TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2021/QĐST-DS	*Tp. S, ngày 25 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 105/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương Thị Phượng N, sinh năm 1984 – Cán bộ pháp chế của Ngân hàng N– Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số 20B, đường T, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Phan Phước T, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà LK08-15, đường D, Khu dân cư M, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại M; Địa chỉ: Số 165, Quốc lộ 1A, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Anh T – Phó Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại M.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền nợ: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N, bị đơn ông Phan Phước T và bà Nguyễn Thị Bích N thống nhất xác định ông Phan Phước T và bà Nguyễn Thị Bích N còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền vay là 223.762.517 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm mười bảy đồng) bao gồm nợ gốc là 89.900.000 đồng (tám

mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 17/8/2021 là 133.862.517 đồng (một trăm ba mươi ba triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm mười bảy đồng).

- Về phương thức và thời hạn trả nợ: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N, bị đơn ông Phan Phước T và bà Nguyễn Thị Bích N thống nhất thỏa thuận phương thức và thời hạn trả nợ cụ thể như sau

+ Ngày 30/12/2021, ông Phan Phước T và bà Nguyễn Thị Bích N trả cho Ngân hàng N số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng);

+ Ngày 30/3/2022, ông Phan Phước T và bà Nguyễn Thị Bích N trả 49.900.000 đồng (bốn mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng);

+ Ngày 30/6/2022, ông Phan Phước T và bà Nguyễn Thị Bích N trả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);

+ Ngày 30/9/2022, ông Phan Phước T và bà Nguyễn Thị Bích N trả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);

+ Ngày 30/12/2022, ông Phan Phước T và bà Nguyễn Thị Bích N trả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);

+ Ngày 30/3/2023, ông Phan Phước T và bà Nguyễn Thị Bích N trả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);

+ Ngày 30/6/2023, ông Phan Phước T và bà Nguyễn Thị Bích N trả 13.862.517 đồng (mười ba triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm mười bảy đồng) và phần nợ lãi phát sinh đến ngày trả hết nợ.

Kể từ ngày 18/8/2021, ông Phan Phước T và bà Nguyễn Thị Bích N tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký vào ngày 19/6/2012. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông T và bà N vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

Địa điểm giao nhận: Tại Ngân hàng N– Chi nhánh Sóc Trăng – Phòng giao dịch K.

Trường hợp các bị đơn ông Phan Phước T và bà Nguyễn Thị Bích N không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 12.2.057/HĐTC ngày 19/6/2012 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai ngày 19/6/2012. Tài sản thế chấp là căn nhà được xây dựng trên lô đất số LK08-15, đường D2, Khu dân cư M, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Loại nhà phố liên kết, cấu trúc căn nhà thuộc diện kiên cố, cột đà bằng BTCT chịu lực bao gồm: 01 trệt, 01 lầu, sàn bê tông cốt thép, mái tole, nền lát gạch men, tường gạch chung; Diện tích khuôn viên lô đất 105m^2 (4,2m x 25m); Diện tích nền xây dựng: 92,4m^2 (4,2m x 22m); Diện tích sử dụng: 176,94m^2 (tầng trệt: 92,4m^2,

tầng lầu 1: 79,38m^2, sàn bồn nước: 5,16m^2) theo Hợp đồng mua bán nhà số 20/HĐMB.NĐMC12 ngày 08/6/2012 đã ký giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại M với ông Phan Phước T, bà Nguyễn Thị Bích N.

Về chi phí xem xét thẩm định: Ông Phan Phước T, bà Nguyễn Thị Bích N thống nhất chịu 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng). Ngân hàng N đã nộp xong nên ông Phan Phước T, bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàngN số tiền 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm : Ông Phan Phước T, bà Nguyễn Thị Bích N thống nhất chịu 5.594.062 đồng (năm triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi hai đồng). Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm . Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.779.000 đồng (năm triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007667 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lệ Hằng